

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự toán: Duy trì chiếu sáng, cây xanh và thoát nước giai đoạn 02 năm (2026-2027) trên địa bàn xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn: Vốn chi thường xuyên của xã;
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh;
- Đại diện Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh;
- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Dịch vụ quản lý, duy tu, duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Phúc Thịnh giai đoạn 02 năm (2026-2027);
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 684 ngày
- Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh;
- Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01C (webform trên Hệ thống)
- Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT;
- Địa điểm: xã Phúc Thịnh, TP. Hà Nội;
- Thuế giá trị gia tăng: Theo quyết định Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Giá gói thầu được duyệt đã bao gồm thuế VAT là 10%. Đề nghị các nhà thầu khi tham dự thầu chào giá theo Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống) đã bao gồm thuế VAT theo các thông tin nêu trên. Giá trị thuế VAT sẽ được chuẩn xác theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu thanh toán.

2. Mục tiêu công việc:

Đảm bảo chiếu sáng công cộng trên địa bàn.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu chung:

Khối lượng các hạng mục Quản lý vận hành, duy tu, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng được xác định trên cơ sở khối lượng được phân cấp theo Quyết định số 61/QĐ UBND ngày 26/9/2025 và Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND Thành phố Hà Nội.

3.2. Hiện trạng hệ thống chiếu sáng và khối lượng quản lý thuộc phạm vi gói thầu:

3.2.1. Công tác quản lý vận hành:

Khối lượng quản lý duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng trên khu vực gói thầu bao gồm:

** Khối lượng chủ yếu:*

Bảng thống kê hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường xã Phúc Thịnh

STT	Tên trạm	Tuyến đường/ khu vực	Phương thức điều khiển			Tủ điều khiển (tủ)	Chiều dài tuyến (m)	Công suất (kW)	Số bóng (bóng)	Ghi chú
			Trung tâm điều khiển và giám sát	Đồng hồ hẹn giờ	Tổng					
	Tổng			46	46	46	47.263	164	2.334	
I	Đường giao thông chính			36	36	36	39.727	130	1.704	
1.1	Tổ dân phố 62	Tổ dân phố 62		1	1	1	142	0,860	5	
1.2	Tổ 5 - TT Đông Anh	Tổ 5 - TT Đông Anh		1	1	1	191	1,204	7	
1.3	Cột 3-TBA Vệ 1-Nam Hồng	Nam Hồng thôn Địa - Tầng My		1	1	1	1231	3,806	39	
1.4	TBA Vệ 1 NH (cot 3).2			0	0	0	1231	0,000	-	
1.5	Cột 12B-4-TBA Tầng My 3, xã Nam Hồng	Nam Hồng thôn Địa - Tầng My		1	1	1	1231	4,015	25	
1.6	TBA Tầng my			0	0	0	1398	0,000	-	
1.7	Cột 4-TBA Thố Bảo 2, xã Vân Nội	Chợ Vân Trì đi Bắc Hồng (xóm Bảo-Đường sắt)		1	1	1	508	2,860	14	
1.8	Cột Không số - TBA K91 - Vân Nội	Chợ Vân Trì đi Bắc Hồng (xóm Bảo-Đường sắt)		1	1	1	1200	5,390	28	
1.9	Cột 17 TBA Mỹ Nội 2	Chợ Vân Trì đi Bắc Hồng (xóm Bảo-Đường sắt)		1	1	1	656	5,005	23	
1.10	Cột 1-TBA Đoàn 1, xã Nam Hồng	Thôn Đoàn Nam Hồng - Võ Văn Kiệt		1	1	1	1066	5,115	31	
1.11	TBA Địa 3	Thôn Địa (Nghĩa trang LS - Võ Văn Kiệt)		1	1	1	498	2,805	17	
1.12	TBA Nguyên Khê	Lê Hữu Tụ - cầu vượt (Nguyên Khê)		1	1	1	643	9,845	35	

STT	Tên trạm	Tuyến đường/ khu vực	Phương thức điều khiển			Tủ điều khiển (tủ)	Chiều dài tuyến (m)	Công suất (kW)	Số bóng (bóng)	Ghi chú
			Trung tâm điều khiển và giám sát	Đồng hồ hẹn giờ	Tổng					
1.13	Cột 10,TBA X2-Thôn Sơn Du, xã Nguyên Khê	Cầu vượt - Đền Bến Trung (HC) Sơn Du		1	1	1	897	5,390	29	
1.14	Cột 1A TBA Bến Trung 1, xã Nguyên Khê	Nguyên Khê - Bến Trung (BT)		1	1	1	992	6,875	41	
1.15	Cột trạm TBA Quan Âm 1	Đường Sắt - Bắc Hồng (QA)		1	1	1	866	4,752	31	
1.16	Cột trạm TBA xã Bắc Hồng	Bắc Hồng UBND (BH)		1	1	1	758	3,080	27	
1.17	TBA Bến trung 2, xã Bắc Hồng	Bắc Hồng - cầu đồ so (BT2)		1	1	1	749	4,059	28	
1.18	Cột 15A-4 TBA bơm Nam Hồng	Tuyến Cầu lớn đi Bắc Hồng		1	1	1	1398	3,388	44	
1.19	Cột 8 TBA Thượng Phúc 1	Tuyến Cầu lớn đi Bắc Hồng		1	1	1	1598	12,870	173	
1.20	Cột 7 TBA Vân Nội 3, xã Vân Nội	Vân Nội đi xã Kim Nỗ		1	1	1	1020	3,410	31	
1.21	Cột 3B-5 TBA Thụy Hà 2, xã Bắc Hồng	xã Bắc Hồng (nghĩa trang liệt sỹ) xã Quang Minh (huyện Mê Linh)		1	1	1	1998	6,600	60	
1.22	Cột XT TBA Cầu Lớn, xã Nam Hồng	Đường 23B sân Golf Vân Trì		1	1	1	1200	4,290	39	
1.23	Cột 9A-TBA tổ 26, TT ĐA	TĐKCS 1 - Tổ dân phố 26 - TBA tổ 26		1	1	1	985	1,474	38	
1.24	Cột 12-TBA TT In sách, TT ĐA	Tổ dân phố 28 - TBA TT in sách		1	1	1	301	0,396	12	
1.25	Cột 1B-TBA K7A+7B, TT ĐA	Tổ dân phố 24 - TBA K7A+7B		1	1	1	458	0,462	14	
1.26	Cột 8-TBA K7A2, TT ĐA	Tổ dân phố 24 - TBA K7A2		1	1	1	1055	1,463	35	

STT	Tên trạm	Tuyến đường/ khu vực	Phương thức điều khiển			Tủ điều khiển (tủ)	Chiều dài tuyến (m)	Công suất (kW)	Số bóng (bóng)	Ghi chú
			Trung tâm điều khiển và giám sát	Đồng hồ hẹn giờ	Tổng					
1.27	Cột 5-TBA K7C, TT ĐA	Tổ dân phố 27 - TBA K7C		1	1	1	706	1,166	22	
1.28	Cột 1A1-TBA Đồi Chè, TT ĐA	Tổ dân phố 25 - TBA Đồi Chè		1	1	1	497	0,693	21	
1.29	Cột 2-TBA Đồi Chè, TT ĐA	TĐCKS 2 - Tổ dân phố 26 - TBA Đồi Chè		1	1	1	679	1,023	27	
1.30	Cột 5C-TBA K7C3, TT ĐA	Tổ dân phố 25 - TBA K7C3		1	1	1	890	0,792	24	
1.31	Cột 8A-TBA K6-3, TT ĐA	Tổ dân phố 48 - TBA K6-3		1	1	1	849	1,859	31	
1.32	Cột 17B-1-TBA K6, TT ĐA	Tổ dân phố 47 - TBA K6		1	1	1	1026	0,891	19	
1.33	Cột XT-TBA K7C2, TT ĐA	TĐKCS 2 - Tổ dân phố 28 - TBA K7C2		1	1	1	497	0,781	17	
1.34	Cột 33-1-TBA K7C2, TT ĐA	TĐKCS 3 - Tổ dân phố 28 - TBA K7C2		1	1	1	1313	2,189	37	
1.35	Cột 3A-TBA Nguyễn Khê 7	Tổ dân phố 62 - TBA Nguyễn Khê 7		1	1	1	403	0,396	12	
1.36	Tuyến đường gom và kè sông đào Nguyễn Khê đoạn từ Cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội-Lào Cai	Tuyến đường gom và kè sông đào Nguyễn Khê đoạn từ Cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội-Lào Cai		1	1	1	5280	10,530	525	
1.37	TBA Lễ Pháp	Hạ tầng kỹ thuật KĐG QSDĐ phía Tây Bắc thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương (trạm Lễ Pháp)		1	1	1	1973	7,35	108	
1.38	Cột 7A TBA Cầu Lớn Nam Hồng	Kênh giữa Kim Chung		1	1	1	1344	2,70	35	

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
6	Tuyến 6	4,00								
7	Tuyến 7	1,00								
8	Tuyến 8	23,00								
9	Tuyến 9	-								
10	Tuyến 10	4,00								
11	Tuyến 11	1,00								
12	Tuyến 12	1,00								
13	Tuyến 13	-								
14	Tuyến 14	-								
15	Tuyến 15	5,00								
16	Tuyến 16	3,00								
17	Tuyến 17	4,00								
18	Tuyến 18	-								
19	Tuyến 19	8,00								
20	Tuyến 20	3,00								
21	Tuyến 21	2,00								
22	Tuyến 22	-								
23	Tuyến 23	-								
24	Tuyến 24	4,00								
25	Tuyến 25	-								
26	Tuyến 26	-								
27	Tuyến 27	2,00								
28	Tuyến 28	11,00								
29	Tuyến 29	8,00								
30	Tuyến 30	4,00								
31	Tuyến 31	-								
32	Tuyến 32	3,00								
33	Tuyến 33	8,00								
34	Tuyến 34	-								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
64	Tuyến 64	-								
65	Tuyến 65	11,00								
66	Tuyến 66	3,00								
67	Tuyến 67	3,00								
68	Tuyến 68	5,00								
69	Tuyến 69	-								
70	Tuyến 70	5,00								
71	Tuyến 71	2,00								
72	Tuyến 72	4,00								
73	Tuyến 73	4,00								
74	Tuyến 74	3,00								
75	Tuyến 75	-								
76	Tuyến 76	7,00								
77	Tuyến 77	2,00								
II. Thôn Thượng Phúc		149,00	111,00		38,00			6,55		
1	Tuyến 1	17,00								
2	Tuyến 2	5,00								
3	Tuyến 3	2,00								
4	Tuyến 4	-								
5	Tuyến 5	-								
6	Tuyến 6	1,00								
7	Tuyến 7	3,00								
8	Tuyến 8	2,00								
9	Tuyến 9	-								
10	Tuyến 10	23,00							SB + NMG + ĐL	
11	Tuyến 11	7,00								
12	Tuyến 12	-								
13	Tuyến 13	-								
14	Tuyến 14	1,00								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
15	Tuyến 15	8,00								
16	Tuyến 16	2,00								
17	Tuyến 17	-								
18	Tuyến 18	2,00								
19	Tuyến 19	1,00								
20	Tuyến 20	1,00								
21	Tuyến 21	7,00								
22	Tuyến 22	1,00								
23	Tuyến 23	-								
24	Tuyến 24	-								
25	Tuyến 25	1,00								
26	Tuyến 26	2,00								
27	Tuyến 27	8,00								
28	Tuyến 28	10,00								
29	Tuyến 29	1,00								
30	Tuyến 30	-								
31	Tuyến 31	5,00								
32	Tuyến 32	6,00								
33	Tuyến 33	-								
34	Tuyến 34	5,00								
35	Tuyến 35	2,00								
36	Tuyến 36	-								
37	Tuyến 37	-								
38	Tuyến 38	-								
39	Tuyến 39	1,00								
40	Tuyến 40	-								
41	Tuyến 41	4,00								
42	Tuyến 42	3,00								
43	Tuyến 43	4,00								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
49	Tuyến 49	1,00								
50	Tuyến 50	6,00								
51	Tuyến 51	-								
52	Tuyến 52	1,00								
53	Tuyến 53	-								
54	Tuyến 54	1,00								
55	Tuyến 55	1,00								
56	Tuyến 56	2,00								
57	Tuyến 57	10,00								
58	Tuyến 58	1,00								
59	Tuyến 59	-								
60	Tuyến 60	4,00								
61	Tuyến 61	4,00								
62	Tuyến 62	3,00								
63	Tuyến 63	16,00								
IV. Thôn Thụy Hà		254,00	147,00		79,00	28,00		13,48		
1	Tuyến 1	4,00								
2	Tuyến 2	8,00								
3	Tuyến 3	4,00								
4	Tuyến 4	-								
5	Tuyến 5	4,00								
6	Tuyến 6	3,00								
7	Tuyến 7	6,00								
8	Tuyến 8	2,00								
9	Tuyến 9	5,00								
10	Tuyến 10	1,00								
11	Tuyến 11	3,00								
12	Tuyến 12	-								
13	Tuyến 13	5,00								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
14	Tuyến 14	2,00								
15	Tuyến 15	5,00								
16	Tuyến 16	-								
17	Tuyến 17	7,00								
18	Tuyến 18	7,00								
19	Tuyến 19	6,00								
20	Tuyến 20	-								
21	Tuyến 21	1,00								
22	Tuyến 22	-								
23	Tuyến 23	-								
24	Tuyến 24	6,00								
25	Tuyến 25	2,00								
26	Tuyến 26	-								
27	Tuyến 27	1,00								
28	Tuyến 28	2,00								
29	Tuyến 29	2,00								
30	Tuyến 30	4,00								
31	Tuyến 31	2,00								
32	Tuyến 32	3,00								
33	Tuyến 33	4,00								
34	Tuyến 34	-								
35	Tuyến 35	28,00								
36	Tuyến 36	10,00								
37	Tuyến 37	4,00								
38	Tuyến 38	12,00								
39	Tuyến 39	6,00								
40	Tuyến 40	2,00								
41	Tuyến 41	2,00								
42	Tuyến 42	-								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
72	Tuyến 72	2,00								
73	Tuyến 73	-								
74	Tuyến 74	3,00								
75	Tuyến 75	5,00								
76	Tuyến 76	-								
77	Tuyến 77	-								
V. Thôn Phù Liên		270,00	204,00		32,00	34,00		12,78		
1	Tuyến 78	-								
2	Tuyến 79	7,00								
3	Tuyến 80	2,00								
4	Tuyến 81	5,00								
5	Tuyến 82	4,00								
6	Tuyến 83	2,00								
7	Tuyến 84	-								
8	Tuyến 85	-								
9	Tuyến 86	4,00								
10	Tuyến 87	-								
11	Tuyến 88	-								
12	Tuyến 89	5,00								
13	Tuyến 90	1,00								
14	Tuyến 91	-								
15	Tuyến 92	3,00								
16	Tuyến 93	2,00								
17	Tuyến 94	6,00								
18	Tuyến 95	2,00								
19	Tuyến 96	2,00								
20	Tuyến 97	3,00								
21	Tuyến 98	3,00								
22	Tuyến 99	3,00								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
23	Tuyến 100	-								
24	Tuyến 101	2,00								
25	Tuyến 102	9,00								
26	Tuyến 103	3,00								
27	Tuyến 104	2,00								
28	Tuyến 105	-								
29	Tuyến 106	-								
30	Tuyến 107	2,00								
31	Tuyến 108	-								
32	Tuyến 109	2,00								
33	Tuyến 110	4,00								
34	Tuyến 111	-								
35	Tuyến 112	3,00								
36	Tuyến 113	7,00								
37	Tuyến 114	7,00								
38	Tuyến 115	1,00								
39	Tuyến 116	1,00								
40	Tuyến 117	4,00								
41	Tuyến 118	1,00								
42	Tuyến 119	3,00								
43	Tuyến 120	23,00								
VI. Thôn Mỹ Nội		142,00	119,00		19,00	4,00		5,90		
1	Tuyến 1	5,00								
2	Tuyến 2	1,00								
3	Tuyến 3	8,00								
4	Tuyến 4	-								
5	Tuyến 5	1,00								
6	Tuyến 6	13,00								
7	Tuyến 7	-								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
8	Tuyến 8	-								
9	Tuyến 9	5,00								
10	Tuyến 10	6,00								
11	Tuyến 11	6,00								
12	Tuyến 12	1,00								
13	Tuyến 13	-								
14	Tuyến 14	4,00								
15	Tuyến 15	-								
16	Tuyến 16	2,00								
17	Tuyến 17	-								
18	Tuyến 18	-								
19	Tuyến 19	-								
20	Tuyến 20	-								
21	Tuyến 21	-								
22	Tuyến 22	-								
23	Tuyến 23	-								
24	Tuyến 24	-								
25	Tuyến 25	15,00								
26	Tuyến 26	-								
27	Tuyến 27	1,00								
28	Tuyến 28	2,00								
29	Tuyến 29	6,00								
30	Tuyến 30	2,00								
31	Tuyến 31	4,00								
32	Tuyến 32	3,00								
33	Tuyến 33	-								
34	Tuyến 34	-								
35	Tuyến 35	-								
36	Tuyến 36	-								

STT	Tên tuyến	Bóng đèn					Tủ điều khiển	Công suất trạm (kW)	Chiều dài tuyến (bq)	Ghi chú
		Tổng	35W	50W	70W	100W				
43	Tuyến 43	2,00								
44	Tuyến 44	4,00								
45	Tuyến 45	-								
IV. Thôn Lễ Pháp		128,00			118,00		10,00	9,76		
1	Tuyến 1	-								
2	Tuyến 2	11,00								
3	Tuyến 3	6,00								
4	Tuyến 4	1,00								
5	Tuyến 5	1,00								
6	Tuyến 6	11,00								
7	Tuyến 7	-								
8	Tuyến 8	15,00								
9	Tuyến 9	18,00								
10	Tuyến 10	1,00								
11	Tuyến 11	-								
12	Tuyến 12	2,00								
13	Tuyến 13	-								
14	Tuyến 14	-								
15	Tuyến 15	2,00								
16	Tuyến 16	1,00								
17	Tuyến 17	-								
18	Tuyến 18	2,00								
19	Tuyến 19	-								
20	Tuyến 20	-								
21	Tuyến 21	4,00								
22	Tuyến 22	-								
23	Tuyến 23	5,00								
24	Tuyến 24	2,00								
25	Tuyến 25	2,00								

Bảng tổng hợp đèn trang trí xã Phúc Thịnh

TT	Tuyến	Tên trạm	Chiều dài tuyến (m)	Công suất trạm (kW)	Tủ điều khiển	Đèn trang trí (khung)			Ghi chú
						400W	250W	120W	
	TỔNG CỘNG		14.043	204,96	11	2	424	818	
I	Bắc Hồng		12.000	41,19	7	-	63	212	
1	Trung tâm Bắc Hồng		2.900	15,75	1		63		
2	Thụy Hà		1.750	4,80	1			40	
3	Bên Trung		1.650	4,56	1			38	
4	Phù Liên		1.600	4,44	1			37	
5	Quan Âm		1.350	3,84	1			32	
6	Mỹ Nội		1.250	3,60	1			30	
7	Thượng Phúc		1.500	4,20	1			35	
III	Nam Hồng		-	36,39	-	1	107	77,0	
1	Trung tâm Nam Hồng			27,15		1	107		
2	Đoài			1,92				16	
3	Đìa			4,20				35	
4	Vệ			2,16				18	
5	Tầng My			0,96				8	
III	Nguyên Khê		-	30,28	-	1	60	124	
1	Trung tâm Nguyên Khê			15,40		1	60		
2	Nguyên Khê			3,60				30	
3	Cán Khê			2,88				24	
4	Khê Nữ			1,56				13	
5	Tiên Hùng			0,48				4	
6	Đại Bằng			2,04				17	
7	Đông			2,52				21	
8	Sơn Du			1,80				15	
IV	Tiên Dương		1.217	28,52	4	-	32	171	
1	Trung tâm Tiên Dương		224	8,00			32		
2	Tuân Lê		80	1,92				16	
3	Tiên Kha		204	3,60				30	
4	Trung Oai		241	4,92	1			41	

TT	Tuyến	Tên trạm	Chiều dài tuyến (m)	Công suất trạm (kW)	Tủ điều khiển	Đèn trang trí (khung)			Ghi chú
						400W	250W	120W	
5	Lễ Pháp		85	2,04	1			17	
6	Cổ Dương		236	5,28	1			44	
7	Luong Nỗ		147	2,76	1			23	
V	Vân Nội		-	65,34	-	-	162	207	
1	Trung tâm Vân Nội			40,50			162		
2	Xóm Thổ Bảo			4,68				39	
3	Xóm Nhì			2,88				24	
4	Xóm Ba Chũ			3,48				29	
5	Xóm Đông Tây			4,32				36	
6	Xóm Đầm			3,00				25	
7	Xóm Viên Nội			6,48				54	
VI	Thị trấn (Tổ 25, 26, 27, 28)		826	3,24				27	

3.2.2. Công tác duy trì:

Công tác duy trì thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng cơ bản đáp ứng được yêu cầu, chất lượng quản lý, vận hành duy trì ổn định. Cùng với đó, các công việc duy trì không thường xuyên. Chế độ vận hành hệ thống chiếu sáng về cơ bản đảm bảo vận hành theo đúng chế độ đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 29/03/2011, cụ thể:

- Mùa hè từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 10
- + Chế độ 1 bật đèn 100% từ 18 giờ 30 đến 23 giờ (4,5 giờ vận hành)
- + Chế độ 2 bật 2/3 số đèn từ 23 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau (6 giờ vận hành)
- Mùa đông từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng 4
- + Chế độ 1 bật đèn 100% từ 17 giờ 30 đến 23 giờ (5.5 giờ vận hành)
- + Chế độ 2 bật 2/3 số đèn từ 23 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau (7 giờ vận hành)

3.3. Các hạng mục công việc:

3.3.1. Quản lý vận hành trạm đèn:

3.3.1.1. Quản lý vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng điều khiển bằng đồng hồ hẹn giờ:

- Kiểm tra sơ bộ tình trạng lưới đèn vào thời điểm đóng đèn (thực hiện hàng ngày):
 - + Kiểm tra sơ bộ và thông tuyến lưới đèn, kiểm tra xem lưới đèn có hoạt động bình thường không
 - + Phát hiện và xử lý sự cố nhỏ (nếu có giải quyết ngay).
- Kiểm tra kết quả đèn sáng, tối (thực hiện 3 ngày 1 lần vào các buổi tối): Kiểm tra thường xuyên kết quả đèn sáng, tối và phát hiện các sự cố lưới đèn.
- Tổ chức ghi chép nhật ký, lập các biên bản sự cố tổng hợp kết quả vận hành (thực hiện hàng ngày):
 - + Ghi chép nhật ký bóng sáng, bóng tối của từng số cột, đánh giá tỷ lệ đèn sáng (trong 1 trạm).
 - + Sắp xếp các tài liệu, sổ ghi chép của từng trạm vào cặp theo dõi mỗi khu vực để vào nơi quy định.
 - + So sánh kết quả mới sửa chữa thay bóng trong ngày.
 - + Cập nhật kết quả vận hành trạm làm việc.
- Kiểm tra cắt đèn buổi sáng (thực hiện hàng ngày vào buổi sáng);
 - + Kiểm tra (thực hiện vào ban ngày, 7 ngày 1 lần):
 - + Kiểm tra cấp điện cấp nguồn.
 - + Kiểm tra đường dây tải điện (cáp treo, cáp ngầm hoặc dây bọc trên xà sừ).
 - + Kiểm tra cột đèn, chóa đèn, cần, cửa cột.
 - + Kiểm tra phụ kiện, thiết bị lắp đặt trên lưới.
 - + Kiểm tra các hiện tượng câu móc điện, lập biên bản báo cáo xí nghiệp sự cố tổn thất điện năng, câu móc điện.

- Hiệu chỉnh tình trạng làm việc của thiết bị và vệ sinh tủ điện (thực hiện 1 tháng/1 lần vào ban ngày):

+ Hiệu chỉnh lại rơ le thời gian hẹn giờ theo đúng thời gian quy định.

+ Vệ sinh, hiệu chỉnh, đánh lại tiếp điểm của khởi động từ.

+ Kiểm tra an toàn điện vỏ tủ.

+ Dùng chổi quét mạng nhện, bụi bám vào thiết bị, dây dẫn...

+ Lau sạch phía ngoài vỏ tủ điện tủ khóa để mở;

- Xử lý các hiện tượng câu móc điện: Mời các cơ quan hành pháp (công an, qui tắc... tham gia xử lý các vụ vi phạm);

- Ghi chỉ số công tơ đo điện (thực hiện 1 tháng 1 lần): Ghi chép điện năng sử dụng mỗi tháng của từng trạm có chứng kiến của Công ty Điện lực;

- Trực vận hành giải quyết các sự cố theo thông tin đường dây nóng (thực hiện hàng ngày):

+ Tổ chức 2 ca trực (từ 6h đến 22h).

+ Tổng hợp và lập phiếu yêu cầu sửa chữa.

+ Tổ chức thực hiện các sự cố cần khắc phục ngay.

- Kiểm tra chế độ 2 và xử lý sự cố (nếu có) (thực hiện 3 ngày 1 lần):

+ Thực hiện sau 24h đêm.

+ Kiểm tra tình trạng làm việc của lưới đèn theo chế độ quy định. Các đèn được đặt theo chế độ 2 có đúng vị trí quy định.

- Tổng kiểm kê tài sản hệ thống chiếu sáng toàn thành phố định kỳ 2 lần trong năm (chốt đến ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm):

+ Khảo sát, kiểm tra lập bảng kiểm kê tài sản, vật tư, thiết bị, công suất sử dụng theo từng trạm.

+ Số liệu tài sản thống kê theo trạm, từng mạch vòng.

+ Hiệu đính, bổ sung khối lượng tài sản phù hợp với sổ theo dõi quản lý vận hành mỗi trạm (tính đến thời điểm kiểm kê).

3.3.1.2. Quản lý vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng có điều khiển và giám sát từ trung tâm:

- Kiểm tra sơ bộ tình trạng lưới đèn vào thời điểm đóng đèn (thực hiện hàng ngày):

+ Kiểm tra sơ bộ và thông tuyến lưới đèn, kiểm tra xem lưới đèn có hoạt động bình thường không.

+ Phát hiện và xử lý sự cố nhỏ (nếu có giải quyết ngay).

- Kiểm tra kết quả đèn sáng, tối (thực hiện 3 ngày 1 lần vào các buổi tối); Kiểm tra thường xuyên kết quả đèn sáng, tối và phát hiện các sự cố lưới đèn.

- Tổ chức ghi chép nhật ký, lập các biên bản sự cố tổng hợp kết quả vận hành (thực hiện hàng ngày):

+ Ghi chép nhật ký bóng sáng, bóng tối của từng số cột, đánh giá tỷ lệ đèn sáng (trong 1 trạm).

+ Sắp xếp các tài liệu, sổ ghi chép của từng trạm vào cặp theo dõi mỗi khu vực để vào nơi quy định.

+ So sánh kết quả mới sửa chữa thay bóng trong ngày.

+ Cập nhật kết quả vận hành trạm làm việc.

- Kiểm tra hệ thống tình trạng lưới đèn kết hợp kiểm tra theo dõi chống tổn thất điện năng và đề xuất biện pháp sửa chữa (thực hiện vào ban ngày, 7 ngày 1 lần):

+ Kiểm tra cấp điện cấp nguồn.

+ Kiểm tra đường dây tải điện (cáp treo, cáp ngầm hoặc dây bọc trên xà sứ).

+ Kiểm tra cửa cột (cái).

+ Kiểm tra phụ kiện, thiết bị lắp đặt trên lưới.

+ Kiểm tra các hiện tượng câu móc điện, lập biên bản báo cáo xí nghiệp sự cố tổn thất điện năng, câu móc điện.

- Hiệu chỉnh tình trạng làm việc của thiết bị và vệ sinh tủ điện (thực hiện 1 tháng/ 1 lần vào ban ngày):

+ Vệ sinh, hiệu chỉnh, đánh lại tiếp điểm của khởi động từ.

+ Kiểm tra an toàn điện vỏ tủ.

+ Dùng chổi quét mạng nhện, bụi bám vào thiết bị, dây dẫn...

+ Lau sạch phía ngoài để tủ điện dễ mở.

- Xử lý các hiện tượng câu móc điện: Mời các cơ quan hành pháp (công an, qui tắc... tham gia xử lý các vụ vi phạm).

- Ghi chỉ số công tơ đo điện (thực hiện 1 tháng 1 lần): Ghi chép điện năng sử dụng mỗi tháng của từng trạm có chứng kiến của sở điện.

- Trục vận hành giải quyết các sự cố theo thông tin đường dây nóng (thực hiện hàng ngày):

+ Tổ chức 2 ca trực (từ 6h đến 22h).

+ Tổng hợp và lập phiếu yêu cầu sửa chữa.

+ Tổ chức thực hiện các sự cố cần khắc phục ngay.

- Kiểm tra chế độ 2 và xử lý sự cố (nếu có) (thực hiện 3 ngày 1 lần):

+ Thực hiện sau 24h đêm.

+ Kiểm tra tình trạng làm việc của lưới đèn theo chế độ quy định, các đèn được đặt theo chế độ 2 có đúng vị trí quy định.

- Tổng kiểm kê tài sản hệ thống chiếu sáng toàn thành phố định kỳ 2 lần trong năm (chốt đến ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm):

+ Khảo sát, kiểm tra lập bảng kiểm kê tài sản, vật tư, thiết bị, công suất sử dụng theo từng trạm.

+ Số liệu tài sản thống kê theo trạm, từng mạch vòng, quận.

+ Hiệu đính, bổ sung khối lượng tài sản phù hợp với sổ theo dõi quản lý vận hành mỗi trạm (tính đến thời điểm kiểm kê).

- Hiệu chỉnh tình trạng làm việc và vệ sinh ngăn thiết bị điều khiển trung tâm theo công nghệ GSM/GPRS (thực hiện 1 tuần/ 1 lần):

+ Kiểm tra, vệ sinh nguội: dây dẫn đầu nối, anten, cầu chì, biến dòng... Dùng chổi quét mạng nhện, bụi bám vào các thiết bị phần điều khiển, kiểm tra siết chặt các điểm đất.

+ Kiểm tra cấp nguồn trung tính có bị tuột, đứt.

+ Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị trong tủ: thiết bị điều khiển và giám sát ELS, Thiết bị chuyển đổi truyền thông GSM/GPRS - TGC module quản lý mạng, nguồn và ắc quy, trạng thái sóng GSM/GPRS và kết nối với trung tâm, chuyển mạch.

+ Kiểm tra thông số trên màn hình (thời gian thực, thời gian đóng cắt...)

+ Kiểm tra thanh chì và nắp đậy cầu chì, cầu đầu, thẻ nhớ, tiếp xúc với Apomat, KĐT...

+ Kiểm tra chức năng cảnh báo từ TBĐK về trung tâm và điện thoại.

+ Kiểm tra vệ sinh bụi TBĐK và rỉ sét vỏ tủ điều khiển.

* Tiêu chí sản phẩm quản lý vận hành trạm đèn:

Công tác quản lý vận hành trạm phải điều chỉnh chế độ đóng, cắt linh hoạt theo từng mùa, đảm bảo chiếu sáng hiệu quả, an toàn, tiết kiệm điện, đạt tỷ lệ bóng sáng theo đúng quy định hiện hành:

1. Hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị phải đảm bảo tỷ lệ bóng sáng tối thiểu như sau:

a) Đối với đường phố là 98%;

b) Đối với ngõ xóm là 95%;

c) Đối với công viên, vườn hoa là 98%.

2. Công tác quản lý vận hành trạm đèn phải thực hiện theo đúng quy trình quản lý vận hành trạm đèn công cộng đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Thời gian vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng được điều chỉnh theo từng mùa và giảm thiểu số bóng sáng hoặc tiết giảm cường độ bóng sáng sau 23 giờ đêm để tiết kiệm điện năng như sau:

+ Mùa hè từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 10: Bật lúc 18 giờ 30 và tắt lúc 5 giờ ngày hôm sau;

+ Mùa đông từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng 4: Bật lúc 17 giờ 30 và tắt lúc 6 giờ ngày hôm sau;

+ Áp dụng các biện pháp giảm điện năng tiêu thụ nhưng phải đảm bảo an toàn trong các thời gian lưu lượng giao thông thấp từ 23 giờ đến sáng hôm sau;

- Công tác kiểm tra tình trạng lưới đèn; Kiểm tra cắt đèn buổi sáng; Kiểm tra hệ thống chiếu sáng từng trạm kết hợp theo dõi tổn thất điện năng; Kiểm tra an toàn vỏ tủ điện; Kiểm tra chế độ 2 và xử lý sự cố nhà thầu phải thực hiện;

3. Tất cả các việc vận hành từng trạm phải được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ nhật ký vận hành;

4. Công tác lập và quản lý hồ sơ kỹ thuật: Kiểm tra kiểm soát, cập nhật các biến động của lưới điện; Công tác ghi chép nhật ký vận hành; Sổ theo dõi sự cố; Sổ cấp phát vật tư... phải đảm bảo chính xác, kịp thời nhằm phục vụ tốt công tác quản lý cũng như làm căn cứ nghiệm thu hoàn thành. Công tác ghi nhật ký phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, chính xác phản ánh được diễn biến của quá trình vận hành, sửa chữa. Ghi chép số lượng bóng sáng tối theo từng trạm (đối với sổ nhật ký vận hành trạm đèn chiếu sáng), ghi chép sự cố, khối lượng công

việc thay thế, sửa chữa (đối với nhật ký thi công thay thế, sửa chữa). Kết quả thực hiện được xác định 100% thời gian, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết đảm bảo hệ thống chiếu sáng phải được vận hành liên tục theo quy định;

5. Tủ điện các thiết bị trong tủ điện đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, không để dán quảng cáo, câu móc, để các vật liệu dễ cháy gần tủ điện, các tủ phải được khóa.

* Tiêu chí sản phẩm duy trì sửa chữa, thay thế thiết bị.

Công tác sửa chữa, thay thế vật tư, linh kiện tuân thủ theo hợp đồng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Khi thực hiện phải bố trí các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư. Vật tư, thiết bị sửa chữa thay thế phải có nguồn gốc xuất xứ, đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm theo quy định.

1. Vật tư, thiết bị phục vụ công tác sửa chữa:

Nhà thầu chuẩn bị sẵn các vật tư, vật liệu, thiết bị để kịp thời khắc phục sự cố theo tiến độ chủ đầu tư yêu cầu. Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, trình các tài liệu liên quan để chủ đầu tư kiểm tra xuất xứ, chủng loại kỹ thuật (hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao nhận...), cụ thể:

- Chủng loại vật tư đúng theo quy định của hợp đồng, hồ sơ dự thầu;

- Vật tư, thiết bị thay thế, sửa chữa phải có đầy đủ giấy tờ kèm theo chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng sản phẩm, riêng đối với vật tư nhập khẩu phải có đầy đủ CO, CQ (bản gốc hoặc sao y của nhà nhập khẩu hoặc bản sao chứng thực) và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định hiện hành;

- Đối với chủng loại đèn và cột đưa vào thay thế phải phù hợp với chủng loại vật tư, thiết bị hiện trạng lưới đèn. Đèn, cột đưa vào thay thế phải có cùng màu sắc, kiểu dáng tuyến đèn hiện có. Trong trường hợp bên B không tìm được nhà cung cấp các loại đèn đáp ứng được các yêu cầu trên thì bên B báo cáo bên A để xem xét thống nhất phương án thay thế;

2. Triển khai thực hiện công tác thay thế, sửa chữa:

- Lên kế hoạch thay thế, sửa chữa gửi cán bộ giám sát của chủ đầu tư làm cơ sở để 2 bên phối hợp thực hiện;

- Đảm bảo an toàn lao động: Đầy đủ biển báo, cảnh báo, cảnh giới theo quy định. Trong trường hợp phải cấp phép phân luồng giao thông nhà thầu phải chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép. Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn lao động;

- Ghi chép đầy đủ các công việc thực hiện vào nhật ký thi công;

- Bên B phải thực hiện theo đúng quy trình đã được duyệt;

- Vật tư bóng, chấn lưu, bộ mối phải được dán tem ghi rõ tháng/năm tại thời điểm thay thế;

- Hạng mục có công tác ngầm bao gồm công tác đào rãnh cáp, rải cáp ngầm, đào hố móng, đổ bê tông và các hạng mục ẩn dẫu khác phải mời giám sát A nghiệm thu trước khi thực hiện các bước tiếp theo;

- Hạng mục có tính chất yêu cầu khẩn cấp khi có chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền như: An toàn giao thông, an toàn PCCC, an toàn điện,... bên B thực hiện ngay theo yêu cầu của bên A, xác nhận các nội dung thực hiện trong nhật ký thi công để hoàn thiện thủ tục nghiệm thu theo quy định;

3.3.2. Điện năng tiêu thụ:

Từng trạm đèn chiếu sáng đều được lắp đặt công tơ đo đếm điện năng của các công ty Điện lực. Hàng tháng được Công ty Điện lực và nhà thầu chốt chỉ số điện năng.

* Tiêu chí công tác quản lý điện năng.

- Nhà thầu trúng thầu phối hợp với các đơn vị quản lý trên địa bàn gói thầu làm việc với các công ty Điện lực chốt chỉ số công tơ cấp điện cho hệ thống chiếu sáng, sang tên ký hợp đồng mua bán điện với công ty Điện lực.

- Không sử dụng nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng công cộng vào mục đích khác khi chưa có chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. Thanh toán điện năng tiêu thụ thông qua việc chốt chỉ số điện năng tiêu thụ của từng trạm đèn/tháng với công ty Điện lực, đối chiếu công suất tiêu thụ thực tế và công suất tính toán từng trạm đèn làm căn cứ thanh toán. Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để quản lý hiệu quả lưới đèn, chống tổn thất điện năng.

- Quản lý chi phí điện năng phải đảm bảo nguồn điện cấp (từ sau công tơ đo đếm của ngành điện) cho hệ thống chiếu sáng phải liên tục, không được gián đoạn, đảm bảo tiết kiệm hợp lý đúng quy định, giảm thiểu tổn thất trên tuyến chiếu sáng.

- Hàng tháng bên B chốt chỉ số điện năng tiêu thụ với công ty Điện lực. Tiêu chí kiểm tra, nghiệm thu căn cứ khối lượng điện năng tính toán từng trạm đèn, nhật ký vận hành trạm, kiểm tra tỷ lệ bóng sáng, chế độ vận hành đóng cắt đối chiếu với hóa đơn tiền điện để A-B nghiệm thu điện năng tiêu thụ từng tháng, quý làm cơ sở hoàn thành hồ sơ thanh toán tiền điện.

- Trong trường hợp có hiện tượng cầu móc đấu điện vào hệ thống chiếu sáng, bên B báo cáo bên A phối hợp cùng chính quyền địa phương, Công an địa phương... tổ chức kiểm tra ngay, lập biên bản xử lý theo quy định.

3.4. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

Căn cứ vào phạm vi, địa bàn, các nội dung công việc phải thực hiện của gói thầu, Nhà thầu tổ chức khảo sát và thuyết minh sự am hiểu về hiện trạng gói thầu, trên cơ sở đó Nhà thầu thuyết minh phương án Quản lý vận hành, duy tu, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng

Phương án thực hiện của Nhà thầu phải đi kèm phương án bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ công trình ngầm nổi và phòng chống cháy nổ (nếu có)... tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước.

3.4.1. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ

- Chất lượng, khối lượng, phạm vi công việc phải thực hiện đúng Chi dẫn kỹ thuật và theo các quy trình thực hiện, chất lượng công việc tại các văn bản pháp luật hướng dẫn hiện hành.

- Nhà thầu phải xây dựng kế hoạch thực hiện, kiểm tra và giám sát nội bộ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ.

3.4.2. Quy trình thực hiện, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện các hạng mục công việc trong tiên lượng mời thầu.

- Nhà thầu trình bày quy trình thực hiện, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện các hạng mục công việc trong tiên lượng mời thầu phù hợp với quy định tại Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy trình,

định mức kinh tế kỹ thuật duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành.

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện cho toàn bộ công việc và cho từng nội dung công việc phải phù hợp, đáp ứng theo yêu cầu công việc của HSMT và tuân thủ quy định, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.4.3. Kế hoạch, phương án thực hiện từng hạng mục công việc trong tiên lượng mời thầu, bao gồm:

- Phương án tổ chức, sắp xếp, bố trí: nhân lực, máy móc, thiết bị, vật tư;
- Kế hoạch, phương án thực hiện (đảm bảo khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường...);
- Sắp xếp và phân bổ thời gian để thực hiện các hạng mục công việc.

Việc thuyết minh phương án thực hiện phải phù hợp với quy trình, giải pháp thực hiện. Thuyết minh kế hoạch thực hiện các hạng mục công việc theo năm phân khai theo quý, tháng.

3.4.4. Công tác phối hợp tiếp nhận bàn giao hệ thống chiếu sáng công cộng: Thuyết minh công tác phối hợp tiếp nhận bàn giao hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn đưa vào quản lý, duy trì thuộc phạm vi, địa bàn gói thầu.

3.4.5. Giải pháp phòng chống thiên tai (do Bão, giông lốc, lũ lụt...) và ngăn ngừa, khắc phục thiệt hại đối với hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố: Đề xuất các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa rủi ro, khắc phục thiệt hại sự cố; Kế hoạch thực hiện, công tác ứng phó, công tác phối hợp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện, công tác báo cáo.

3.4.6. Phương án vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

* Phương án vệ sinh môi trường:

- Nhà thầu phải nêu biện pháp tập trung phế thải, rác thải và giảm thiểu bụi để không ảnh hưởng đến môi trường.

- Nhà thầu phải cam kết đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo đúng qui định về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan nếu vi phạm qui định trên.

* Phương án phòng, chống cháy, nổ:

- Nhà thầu phải nêu các qui định, qui phạm tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy sẽ được Nhà thầu áp dụng khi thi công công trình.

- Nhà thầu phải nêu các giải pháp, biện pháp phòng chống cháy nổ nói chung. Đặc biệt nêu rõ biện pháp phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dịch vụ liên quan các hệ thống dễ cháy như dầu, các thiết bị điện, hóa chất...

3.4.7. Phương án về an toàn giao thông, an toàn lao động (yêu cầu nhà thầu phải có đồng phục bảo hộ lao động và phương tiện máy móc, có bảo hiểm tai nạn cho người lao động, bảo hiểm cho máy móc thi công và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật).

3.4.8. Phương án đảm bảo chất lượng gói thầu:

- Hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu: Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thực hiện cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ.

- Thuyết minh phương án thống kê, lập hồ sơ theo dõi, biện pháp quản lý chất lượng công tác quản lý, vận hành, duy tu, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố thuộc phạm vi, địa bàn gói thầu.

3.5. Các yêu cầu khác:

a. Yêu cầu về thiết bị thi công:

- Máy móc, thiết bị đưa vào thi công công trình đảm bảo có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, có kiểm định theo quy định, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;
- Máy móc, thiết bị thi công đưa vào sử dụng nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo vận hành tốt và an toàn.

b. Tài liệu chứng minh kinh nghiệm:

b.1) Đối với toàn bộ nhân sự nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06B và Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan; Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành/ Biên bản thanh lý hợp đồng, Quyết định giao nhiệm vụ (hoặc tương đương) trong quá trình đối chiếu tài liệu).

b.2) Đối với tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản sao hóa đơn hoặc giấy đăng ký và bản sao đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực (đối với các thiết bị có quy định về kiểm định. Đối với các thiết bị đi thuê, ngoài các tài liệu nêu trên, nhà thầu cung cấp hợp đồng nguyên tắc thuê máy) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác.*

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Công tác Quản lý:

- Công tác lập và quản lý hồ sơ kỹ thuật: Kiểm tra kiểm soát, cập nhật các biến động của lưới điện; công tác ghi chép nhật ký vận hành; sổ theo dõi sự cố; sổ cấp phát vật tư... phải đảm bảo chính xác, kịp thời nhằm phục vụ tốt công tác quản lý cũng như làm căn cứ nghiệm thu hoàn thành. Công tác ghi chép nhật ký phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, chính xác phản ánh được diễn biến của quá trình vận hành, sửa chữa. Ghi chép số lượng bóng sáng tối theo từng trạm (đối với sổ nhật ký vận hành trạm đèn chiếu sáng), ghi chép sự cố, khối lượng công việc thay thế, sửa chữa (đối với nhật ký thi công thay thế, sửa chữa). Kết quả thực hiện được xác định 100% thời gian, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết đảm bảo hệ thống chiếu sáng phải được vận hành liên tục theo quy định.

- Nhà thầu thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận thông tin từ người dân, các cơ quan tổ chức. Tổng hợp báo cáo chủ đầu tư các thông tin, phản ánh và đề xuất biện pháp, tiến độ xử lý;

- Nhà thầu phải kịp thời phát hiện sự cố, vi phạm liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng, có văn bản gửi chính quyền địa phương để phối hợp xử lý theo quy định;

5.2. Công tác phối hợp giám sát:

- Nhà thầu cung cấp kế hoạch, tiến độ các công việc theo yêu cầu của bên A, làm cơ sở để bên A kiểm tra, giám sát;

- Thực hiện công tác báo cáo thường xuyên, liên tục tình trạng hệ thống chiếu sáng, các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành;

- Nhà thầu thực hiện ghi chép đầy đủ nhật ký;

- Cán bộ giám sát A thực hiện kiểm tra đột xuất không báo trước lịch cho bên B;

5.3. Công tác nghiệm thu:

- A-B tổ chức nghiệm thu kỹ thuật A-B của tháng trước sẽ thực hiện trong khoảng từ ngày 5-10 tháng sau. Tổ chức họp nghiệm thu A-B 1 lần/quý (riêng tháng 12 nghiệm thu A-B phải xong trong ngày 31/12), cơ sở nghiệm thu được căn cứ biên bản nghiệm thu nội bộ bên B, kết quả giám sát thường xuyên và đột xuất của bên A, nhật ký công trình, xác nhận khối lượng hoàn thành theo tháng và các căn cứ nghiệm thu kèm theo theo quy định;

- Bên B tổ chức nghiệm thu nội bộ của tháng trước xong trước ngày 5 tháng sau; Trường hợp bên B nghiệm thu chậm phải có lý do chính đáng, báo cáo bằng văn bản cho bên A;

- Các hạng mục của gói thầu được nghiệm thu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện các công việc đã thực hiện hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu theo đúng quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và được bên B nghiệm thu nội bộ; hồ sơ nghiệm thu vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng, kiểm tra, chạy thử thiết bị... đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công việc;

- Trường hợp bên B sử dụng vật tư không đúng chủng loại được phê duyệt, vật tư không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không đảm bảo chất lượng đúng theo quy định thì bên A có quyền từ chối nghiệm thu vật tư;